



- A. Chỉ diễn ra ở nơi có nền kinh tế thị trường phát triển.
- B. Sự cạnh tranh diễn ra giữa những người tiêu dùng.
- C. Cạnh tranh lành mạnh luôn vi phạm các giá trị đạo đức.
- D. Cạnh tranh không lành mạnh là có thủ đoạn bất lương.

**Câu 11:** Một trong những mục đích của cạnh tranh là?

- A. Tạo thương hiệu, khẳng định vị thế của mình trên thị trường.
- B. Đổi mới phương thức quản lí, ứng dụng khoa học kỹ thuật.
- C. Giành thị trường, đơn hàng, hợp đồng, nguồn vốn.
- D. Tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

**Câu 12:** Câu tục ngữ “*Thương trường như chiến trường*” phản ánh quy luật kinh tế nào dưới đây trong nền kinh tế thị trường?

- A. Quy luật cung cầu.
- B. Quy luật cạnh tranh.
- C. Quy luật giá trị.
- D. Quy luật tiền tệ.

**Câu 13:** Loại cạnh tranh nào dưới đây là động lực của nền kinh tế thị trường?

- A. Cạnh tranh trong nội bộ ngành.
- B. Cạnh tranh lành mạnh.
- C. Cạnh tranh giữa các ngành.
- D. Cạnh tranh không lành mạnh.

**Câu 14:** Anh H mở cửa hàng kinh doanh quần áo, dụng cụ thể thao. Để cạnh tranh với các cửa hàng khác anh H không được phép sử dụng phương thức cạnh tranh nào?

- A. Đăng quảng cáo, bán hàng qua mạng, thanh toán trực tuyến.
- B. Nhập hàng không rõ nguồn gốc, thay đổi nhãn mác sản phẩm.
- C. Có chương trình khuyến mãi, chăm sóc khách hàng thường xuyên.
- D. Nhờ vào các mối quan hệ của gia đình mình để bán được nhiều hàng.

**Câu 15:** Từ năm 2022 thị trường ASEAN hội nhập sâu rộng, nhiều mặt hàng có thuế xuất - nhập khẩu bằng 0%. Để các mặt hàng dệt may truyền thống cạnh tranh được với hàng hóa của các nước trong khu vực thì các doanh nghiệp dệt may trong nước cần phải làm gì?

- A. Không phải làm gì vì mặt hàng truyền thống vẫn có chỗ đứng.
- B. Đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường các nước trong khu vực và thế giới.
- C. Đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng đồng thời tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu.
- D. Tận dụng nguồn nhân công giá rẻ để liên kết với doanh nghiệp nước ngoài.

**Câu 16: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Công ty H chuyên sản xuất kinh doanh các sản phẩm áo sơ mi nữ. Hai tháng gần đây, trên thị trường xuất hiện nhiều sản phẩm mới của các công ty, tập đoàn may mặc có thương hiệu trong và ngoài nước với kiểu dáng, mẫu mã đa dạng, chất liệu vải đẹp, giá cũng hấp dẫn hơn khiến doanh thu bán hàng của công ty H sụt giảm. Ban Giám đốc công ty phải nhanh chóng đưa ra các giải pháp: tìm kiếm thêm nguồn vải có họa tiết, chất liệu đặc biệt hơn, ứng dụng công nghệ mới trong việc hoàn thiện sản phẩm, đưa ra mức lương hấp dẫn tuyển dụng được nhà thiết kế có tay

nghe cao,... để nhanh chóng tạo ra sản phẩm mới, thu hút khách hàng, chiếm lĩnh lại thị trường, ổn định tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

a) Công ty H và các công ty khác cùng cạnh tranh nhau về sản phẩm hàng may mặc.

b) Việc Ban giám đốc đưa ra các giải pháp để thu hút khách hàng, chiếm lĩnh lại thị trường là phù hợp với quy luật cạnh tranh.

c) Điều kiện sản xuất của công ty H và các công ty khác là khác nhau nên họ cạnh tranh nhau là hợp lý.

d) Để cạnh tranh được với đối thủ, các chủ thể sản xuất kinh doanh được sử dụng mọi biện pháp để giành thắng lợi trong cạnh tranh.

**Câu 17: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Từ tháng 4-2023 đến nay, Công ty CP Di chuyển Xanh và Thông minh (GSM) đã triển khai việc đưa ô tô điện vào khai thác trong lĩnh vực taxi. Hãng taxi điện "phủ sóng" tại các thành phố lớn, khu du lịch với 2.500 chiếc chỉ sau 5 tháng hoạt động, tương đương số lượng xe của các hãng taxi lớn đã có mặt trên thị trường hàng chục năm qua. Nhiều hãng vận tải khác như Sun Taxi, Lado Taxi... thời gian qua cũng đầu tư mạnh mua xe điện để thay thế dần xe xăng với mục đích tăng thêm trải nghiệm cho khách hàng và bắt kịp xu thế. Các hãng này cho biết đã nhận được phản hồi khá tích cực từ phía khách hàng nhờ giá cước không quá cao, không phải trả thêm phụ phí như các ứng dụng gọi xe công nghệ, xe chạy êm.

a) Sự ra đời hãng xe điện tạo ra sự cạnh tranh giữa các hãng taxi.

b) Việc một số hãng thay thế xe xăng bằng xe điện kết hợp việc mở rộng các ứng dụng tiện ích là phù hợp với vai trò của cạnh tranh.

c) Mục đích của cạnh tranh là góp phần mang lại nhiều lợi ích cho người tiêu dùng.

d) Xe điện ra đời cạnh tranh và có thể dẫn đến việc xe xăng truyền thống bị xóa sổ là thể hiện cạnh tranh không lành mạnh.

**Câu 18: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Công ty A và B là hai đơn vị kinh tế lớn sản xuất và cung ứng sữa tươi. Ra đời từ lâu, công ty A xây dựng các trang trại bò sữa theo tiêu chuẩn hiện đại nhất và chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Không hề kém cạnh, dù có mặt trên thị trường, Công ty B cũng đã ứng dụng quy trình sản xuất sữa tươi khép kín từ khâu nhập giống, nuôi dưỡng đến phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng. Sự khác biệt về điều kiện sản xuất khiến cuộc cạnh tranh của hai công ty này thêm gay gắt.

a) Sự khác biệt về điều kiện sản xuất, kinh doanh là nguyên nhân dẫn đến sự cạnh tranh giữa công ty A và B.

b) Công ty A và B đều vận dụng đúng đắn các hình thức cạnh tranh lành mạnh để phát triển.

c) Sự cạnh tranh tích cực giữa công ty A và B sẽ mang lại lợi ích cho người tiêu dùng.

d) Trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh tất yếu sẽ dẫn đến một công ty phải phá sản để công ty kia tồn tại.

## BÀI 2: CUNG – CẦU TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

**Câu 1:** Em hãy cho biết khái niệm của **cung** là gì?

- A. Lượng hàng hóa, dịch vụ người tiêu dùng cần mua.
- B. Các sản phẩm được đón chờ bởi người tiêu dùng.
- C. Các sản phẩm hạ giá để thu hút khách hàng.
- D. Lượng hàng hóa, dịch vụ đáp ứng cho thị trường.

**Câu 2:** Em hãy cho biết khái niệm của **cầu** là gì?

- A. Những sản phẩm đã đưa ra hoặc bán ra thị trường.
- B. Lượng hàng hóa, dịch vụ người tiêu dùng cần mua.
- C. Lượng hàng hóa đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng.
- D. Tổng số hàng hóa sản xuất cung ứng cho thị trường.

**Câu 3:** Mối quan hệ cung - cầu là mối quan hệ tác động giữa những chủ thể nào sau đây?

- A. Người mua và người mua.
- B. Người bán và người bán.
- C. Người bán với người sản xuất.
- D. Người sản xuất với người tiêu dùng.

**Câu 4:** Cung – cầu có quan hệ như thế nào trong nền kinh tế thị trường?

- A. Chỉ có cung mới tác động lên cầu.
- B. Cung – cầu là hai phạm trù độc lập nhau.
- C. Cung – cầu có quan hệ tác động lẫn nhau.
- D. Chỉ có các yếu tố của cầu tác động lên cung.

**Câu 5:** Quan hệ cung - cầu là tác nhân trực tiếp ảnh hưởng đến

- A. lưu thông hàng hoá.
- B. tiền tệ thế giới.
- C. quy mô thị trường.
- D. giá cả thị trường.

**Câu 6:** Những chủ thể nào dưới đây cần vận dụng quan hệ cung – cầu?

- A. Nhà nước, người sản xuất, người tiêu dùng.
- B. Nhà nước, các tổ chức, mọi doanh nghiệp.
- C. Mọi tầng lớp nhân dân và công ty sản xuất.
- D. Mọi doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

**Câu 7:** Chủ thể nào dưới đây vận dụng vai trò quan hệ cung – cầu bằng cách đưa ra các biện pháp, chính sách để duy trì cân đối cung-cầu hợp lý, bình ổn thị trường?

- A. Nhà nước.
- B. Nhân dân.
- C. Người sản xuất.
- D. Người tiêu dùng.

**Câu 8:** Khi giá cả hàng hóa tăng lên thì lượng cung hàng hóa trên thị trường sẽ như thế nào?

- A. Không xác định.
- B. Lượng cung giảm.
- C. Lượng cung tăng.
- D. Lượng cung bằng cầu.

**Câu 9:** Thông thường, trên thị trường, khi cung giảm sẽ làm cho giá cả tăng và cầu

- A. tăng.
- B. giảm.
- C. ổn định.
- D. đứng im.

**Câu 10:** Khi nhu cầu của người tiêu dùng về một mặt hàng tăng cao thì sẽ dẫn đến điều gì?

- A. Giá cả mặt hàng sẽ bị hạ thấp.                      B. Giá cả mặt hàng sẽ cân bằng.  
C. Người sản xuất sẽ mở rộng sản xuất.            D. Người sản xuất sẽ thu hẹp sản xuất.

**Câu 11:** Vì sao Nhà nước phải đưa ra phương pháp và chính sách để bình ổn thị trường?

- A. Ép cho nhu cầu của người tiêu dùng phải giảm xuống.  
B. Để khuyến khích lượng cung tăng trưởng nhanh chóng.  
C. Làm cho giá cả các hàng hóa không bị đẩy lên quá cao.  
D. Giúp cho cung và cầu giảm xuống một cách tuyệt đối.

**Câu 12:** Tác động nào sau đây là đúng khi nói về quan hệ cung – cầu?

- A. Giá cả tăng do cung < cầu.                                      B. Giá cả tăng do cung > cầu.  
C. Giá cả tăng do cung = cầu.                                      D. Giá cả tăng do cung ≤ cầu.

**Câu 13:** Biểu hiện nào dưới đây **không phải** vai trò quan hệ cung – cầu đối với chủ thể sản xuất, kinh doanh?

- A. Thu hẹp sản xuất.    B. Mở rộng sản xuất.  
C. Chuyển đổi sản xuất.    D. Điều tiết lại cung - cầu.

**Câu 14:** Trong mối quan hệ cung – cầu nào sau đây thì người tiêu dùng bất lợi khi mua hàng hóa?

- A. Cung bằng cầu.    B. Cung lớn hơn cầu.  
C. Cung nhỏ hơn cầu.    D. Cầu nhỏ hơn cung.

**Câu 15:** Khi lượng cầu về mặt hàng quạt điện giảm mạnh vào mùa đông, yếu tố nào dưới đây của thị trường sẽ giảm theo?

- A. Cạnh tranh.                                      B. Giá trị.                                      C. Giá trị sử dụng.                                      D. Giá cả.

**Câu 16:** Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Do ảnh hưởng của cơn bão số 10, các tỉnh miền Trung bị thiệt hại nặng nề dẫn đến việc khan hiếm về lương thực, thực phẩm và đẩy giá một số hàng lương thực, thực phẩm tăng cao. Trước tình hình đó, các cơ quan chức năng đã tích cực đưa ra các giải pháp như hỗ trợ chi phí, hạn chế xuất khẩu, đặc biệt là chỉ đạo các doanh nghiệp đầu môi chủ động điều tiết nguồn hàng nhằm góp phần bình ổn giá.

- a) Cung giảm dẫn đến giá cả hàng hóa một số mặt hàng tăng cao.  
b) Người dân cần điều chỉnh thói quen tiêu dùng để phù hợp với quan hệ cung cầu.  
c) Tăng nguồn cung là giải pháp duy nhất để ổn định thị trường.  
d) Việc ổn định quan hệ cung cầu là trách nhiệm của chủ thể nhà nước trong nền kinh tế.

**Câu 17:** Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Đơn hàng nhiều giúp kim ngạch xuất khẩu 3 nhóm hàng: gạo, rau quả, cà phê liên tục tăng nhanh trong nửa đầu tháng 1-2024. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, nửa đầu tháng 1, cả nước xuất khẩu hơn 194.000 tấn gạo, kim ngạch đạt gần 135 triệu USD, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2023. Xuất khẩu cà phê nửa đầu tháng 1 đạt gần 96.000 tấn, với kim ngạch gần 283 triệu USD, so cùng kỳ năm 2023 tăng 4,2% về lượng và tăng mạnh 39,7% về kim ngạch. Rau quả là

"anh cả" của tăng trưởng, cụ thể 15 ngày đầu tháng 1 đạt 459 triệu USD. Nếu so với cùng kỳ năm 2023, con số này đang tăng trên 89% và so với tháng liền kề trước đó là trên 12%.

a) Cầu tăng là nguyên nhân khiến nguồn cung tăng.

b) Việc đẩy mạnh xuất khẩu sẽ tác động đến nguồn cung trong nước và làm giá cả hàng hóa này trong nước tăng.

c) Số liệu khả quan về xuất khẩu hàng hóa phản ánh năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường thế giới.

d) Giảm thuế xuất khẩu là giải pháp hữu hiệu để tăng nguồn cung hàng hóa cho xuất khẩu.

**Câu 18: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Vào thời điểm gần Tết Trung thu, thị trường bánh trung thu trở nên sôi động. Nhu cầu đa dạng về chủng loại, mẫu mã bánh trung thu và xu thế tăng giá bán là những yếu tố thúc đẩy các nhà sản xuất tập trung nguồn lực cho sản phẩm này. Ngoài số doanh nghiệp sản xuất bánh kẹo với dây chuyền sản xuất hiện đại, công suất lớn chuyển sang làm bánh trung thu theo thời vụ, nhiều cơ sở sản xuất theo kiểu thủ công, qui mô nhỏ hơn, như các hộ cá thể trong các làng nghề truyền thống cũng gia nhập thị trường.

a) Thông tin trên thể hiện mối quan hệ cầu tăng dẫn đến cung tăng.

b) Quan hệ cung cầu đã giúp các chủ thể sản xuất kinh doanh đưa ra các quyết định hợp lý.

c) Việc có nhiều doanh nghiệp chuyển sang sản xuất bánh trung thu sẽ góp phần làm cho giá cả mặt hàng này giảm xuống.

d) Tính thời vụ là yếu tố ảnh hưởng nhất tới cung về thị trường bánh trung thu.

**Câu 19: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Nhằm tạo môi trường thuận lợi thu hút doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tại khu vực nông thôn, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách ưu đãi và hỗ trợ gồm miễn, giảm tiền thuê đất và hỗ trợ tín dụng đầu tư. Theo đó, doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được ngân sách địa phương hỗ trợ lãi suất vay thương mại để thực hiện dự án. Nhờ có những chính sách trên, nhiều doanh nghiệp đã mạnh dạn đầu tư vốn vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông, lâm nghiệp thủy sản.

a) Từ các chính sách của nhà nước sẽ thúc đẩy cung về mặt hàng nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng.

b) Việc hỗ trợ của nhà nước đối với các doanh nghiệp là thể hiện sự cạnh tranh không lành mạnh.

c) Chính sách nhà nước là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp tới cung hàng hóa.

d) Lượng cầu về mặt hàng nông, lâm nghiệp, thủy sản sẽ tăng trong thời gian tới.

**Câu 20: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Giả sử trên thị trường, nhu cầu về ô tô là 70.0000 chiếc các loại. có 7 doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô để cung ứng ra thị trường, trong đó Toyota cung ứng 4.478 chiếc, Ford cung ứng 2.544 chiếc, KIA cung ứng 11.199 chiếc, Mercedes cung ứng 4.512 chiếc, BMW cung ứng 2.544 chiếc, Hyundai cung ứng 12.477 chiếc, Honda cung ứng 11.125 chiếc.

a) Xét về quan hệ cung cầu thì giá ô tô sẽ tăng lên trong thời gian tới.

b) Nhà nước cần có biện pháp giảm thuế để tăng cường nhập khẩu ô tô ổn định nguồn cung trong nước.

c) Người tiêu dùng phải mua ngay ô tô vào dịp này tránh giá ô tô sẽ còn lên.

d) Trong ngắn hạn, các doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất để đáp ứng đủ nguồn cung.

### BÀI 3: LẠM PHÁT

**Câu 1:** Em hãy cho biết khái niệm của lạm phát là gì?

A. Mức giá của hàng hóa, dịch vụ không thay đổi trong thời gian nhất định.

B. Mức giá của các hàng hóa, dịch vụ đặc biệt trong thời gian nhất định.

C. Hình thức giảm mức giá chung của các hàng hóa, dịch vụ trong thời gian nhất định.

D. Hình thức tăng mức giá chung của các hàng hóa, dịch vụ trong thời gian nhất định.

**Câu 2:** Hình thức tăng mức giá chung của các hàng hóa, dịch vụ trong thời gian nhất định là nội dung của khái niệm

A. cạnh tranh.

B. hàng hóa.

C. thị trường.

D. lạm phát.

**Câu 3:** Người ta phân chia lạm phát dựa vào điều gì?

A. Mức độ lạm phát.

B. Sự nghiêm trọng.

C. Mức giá thành sản phẩm.

D. Thời gian xảy ra lạm phát.

**Câu 3:** Có mấy nguyên nhân cơ bản dẫn đến lạm phát?

A. Hai nguyên nhân.

B. Ba nguyên nhân.

C. Bốn nguyên nhân.

D. Năm nguyên nhân.

**Câu 4:** Lạm phát thường được tính bằng chỉ số giá tiêu dùng được viết tắt?

A. CPI.

B. CIP.

C. PCI.

D. IPC.

**Câu 5:** Lạm phát là sự tăng trưởng mức giá chung các hàng hóa, dịch vụ của nền kinh tế trong một thời gian

A. nhất định.

B. ấn định.

C. cụ thể.

D. dài hạn.

**Câu 6:** Có bao nhiêu loại lạm phát? Đó là những loại nào?

A. Có 2 loại lạm phát: lạm phát vừa phải, siêu lạm phát.

B. Có 3 loại lạm phát: lạm phát nhẹ, lạm phát vừa, siêu lạm phát.

C. Có 2 loại lạm phát: lạm phát nhẹ và siêu lạm phát.

D. Có 3 loại lạm phát: lạm phát vừa phải, lạm phát phi mã, siêu lạm phát.

**Câu 7:** Khi mức độ tăng của giá cả ở 2 con số trở lên hàng năm tăng (từ 10% - 1000%) gây bất ổn nghiêm trọng trong nền kinh tế. Đây thuộc loại lạm phát nào?

A. Lạm phát vừa phải.

B. Siêu lạm phát.

C. Lạm phát phi mã.

D. Lạm phát tương đối.

**Câu 8:** Lạm phát cao mang đến điều gì cho đời sống xã hội?

A. Sự phồn thịnh, phát triển đất nước.

B. Mang đến các lợi ích đặc biệt.

C. Tác động tiêu cực đến đời sống xã hội.

D. Tác động tích cực đến đời sống xã hội.

**Câu 9:** Mức độ lạm phát như thế nào sẽ kích thích hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển?

- A. Vừa phải.                      B. Phi mã.                      C. Siêu lạm phát.                      D. Ổn định.

**Câu 10:** Trong điều kiện lạm phát thấp, giá cả thay đổi chậm, không ảnh hưởng quá tiêu cực tới nền kinh tế và xã hội thì người ta gọi trường hợp đó là nền kinh tế đang trong giai đoạn nào?

- A. Nền kinh tế bất ổn.                      B. Nền kinh tế phát triển.  
C. Nền kinh tế ổn định.                      D. Nền kinh tế chậm phát triển.

**Câu 11:** Khi mức lương cơ bản của người lao động được nâng lên theo lộ trình thì rất dễ dẫn đến hiện tượng lạm phát xảy ra trong đời sống xã hội vì khi đó

- A. giá cả hàng hóa, dịch vụ tăng.                      B. giá cả hàng hóa giảm.  
C. giá cả hàng hóa ổn định.                      D. hàng hóa khan hiếm.

**Câu 12:** Tình trạng khủng hoảng kinh tế xảy ra khi nào?

- A. Khi cung lớn hơn cầu.                      B. Giá cả tăng lên không đáng kể.  
C. Giá cả các mặt hàng, dịch vụ ổn định.                      D. Giá cả tăng vượt xa mức lạm phát phi mã.

**Câu 13:** Trong trường hợp lạm phát tăng nhanh Nhà nước làm gì để hỗ trợ người dân ứng phó với tình hình khó khăn trước mắt?

- A. Tăng các chi tiêu công.                      B. Bỏ ngỏ thị trường.  
C. Sử dụng nguồn dự trữ quốc gia.                      D. Phát hành thêm tiền tệ.

**Câu 14:** Khi lạm phát khiến các yếu tố đầu vào của quy trình sản xuất tăng cao thì dẫn đến điều gì?

- A. Giá cả hàng hóa sản xuất ở mức bình ổn.  
B. Hàng hóa được tạo ra với chất lượng thấp.  
C. Giá các mặt hàng sản xuất tăng theo.  
D. Người tiêu dùng đón nhận nhiệt thành hơn.

**Câu 15 :** Nhà nước cần phải làm như thế nào để kiểm soát và kiềm chế lạm phát?

- A. Theo dõi sự biến động của giá cả trên thị trường.  
B. Tạo ra các biến cố trong nền kinh tế thị trường.  
C. Giúp các doanh nghiệp vượt qua khó khăn.  
D. Ngăn cản các biện pháp điều tiết được lạm phát.

**Câu 16: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Vào dịp cuối năm năm bắt tâm lý do nhu cầu mua sắm hàng hoá, dịch vụ của người dân tăng cao vì vậy giá nguyên vật liệu đầu vào tăng dần. Đồng thời, do ảnh hưởng thị trường thế giới, giá xăng trong nước cũng được điều chỉnh tăng qua nhiều lần làm tăng chi phí sản xuất của các doanh nghiệp. Điều này làm cho giá cả hàng hoá, dịch vụ đồng loạt tăng cao, tạo sức ép lớn lên tỉ lệ lạm phát.

- a) Nguyên nhân dẫn đến lạm phát là do chi phí đầu vào giảm.  
b) Giá cả các yếu tố đầu vào của hàng hóa tăng cao sẽ tác động cả đến nguồn cung và cầu về hàng hóa.  
c) Nhà nước sử dụng công cụ tiền tệ để kiềm chế sự tăng giá của một số mặt hàng.

**d)** Giá cả các yếu tố đầu vào của các ngành sản xuất tăng, sẽ giảm sức cạnh tranh của các doanh nghiệp.

**Câu 17: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Chi phí sản xuất tăng cao gây biến động giá thành sản phẩm, đẩy chi phí sinh hoạt của người dân tăng vọt. Phụ trách chi tiêu cho cả gia đình 3 người trong hơn 2 tháng qua, chị DT cho biết cảm thấy “chóng mặt” vì chi phí sinh hoạt của cả gia đình tháng này tăng gấp đôi so với tháng trước. Giá rau quả tăng 10.000 - 20.000 đồng/kg tùy loại, thịt heo tăng 70.000 - 100.000 đồng/kg so với giá cách đây hơn 2 tháng.

**a)** Chi phí sản xuất tăng cao là nguyên nhân gây ra hiện tượng lạm phát.

**b)** Giá cả tăng cao sẽ làm thay đổi cầu của người tiêu dùng về hàng hóa.

**c)** Tình trạng tăng giá kéo dài đời sống người dân sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

**d)** Tăng lương là biện pháp hữu hiệu nhất để kiềm chế lạm phát và nâng cao mức sống người dân.

**Câu 18: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Trong năm 2023, CPI tháng Một tăng cao với 4,89%, áp lực lạm phát rất lớn nhưng sau đó đã giảm dần, đến tháng Sáu mức tăng chỉ còn 2%, đến tháng Mười Hai tăng 3,58%, bình quân cả năm 2023 lạm phát ở mức 3,25%, đạt mục tiêu Quốc Hội đề ra. Có được kết quả như vậy là do trong năm nhiều giải pháp được tích cực triển khai như: Giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực; giảm thuế môi trường với nhiên liệu bay..... Theo đó, thị trường các mặt hàng thiết yếu không có biến động bất thường, nguồn cung được đảm bảo. Ngoài ra, giá một số mặt hàng giảm theo giá thế giới cũng đã góp phần giúp giảm áp lực lạm phát như giá xăng dầu bình quân năm 2023 giảm 11,02% so với năm 2022, giá gas giảm 6,94%. Vì vậy, năm 2023 Việt Nam đã thành công trong kiểm soát lạm phát.

**a)** Xét về tổng thể, năm 2023 mức lạm phát ở nước ta ở mức độ lạm phát vừa phải.

**b)** Giảm mặt bằng lãi suất, cho vay tín dụng và giảm thuế là các công cụ quan trọng để kiềm chế lạm phát.

**c)** Về mặt kinh tế, lạm phát vừa phải là động lực để phát triển kinh tế.

**d)** Các biện pháp kiềm chế lạm phát của nhà nước trong năm 2023 đã góp phần ổn định đời sống nhân dân.

#### **BÀI 4: THẤT NGHIỆP**

**Câu 1:** Trong đời sống xã hội, tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được việc làm theo ý muốn của mình được gọi là

**A.** lao động.

**B.** nghề nghiệp.

**C.** thất nghiệp.

**D.** có việc làm.

**Câu 2:** Trong đời sống xã hội, thất nghiệp được chia thành những loại nào sau đây?

**A.** Thất nghiệp theo tự nhiên và thất nghiệp theo chu kì.

**B.** Thất nghiệp theo nguồn gốc và thất nghiệp theo tính chất.

**C.** Thất nghiệp tự nguyện và thất nghiệp không tự nguyện.

**D.** Thất nghiệp theo thời vụ và thất nghiệp mang tính tạm thời.

**Câu 3:** Theo em nguyên nhân chính nào sau đây dẫn tới thất nghiệp?

**A.** Nguyên nhân bị cho thôi việc.

**B.** Nguyên nhân chủ quan và khách quan.

**C.** Nguyên nhân không tìm được việc làm.

**D.** Nguyên nhân bị kỷ luật lao động.

**Câu 4:** Trong đời sống xã hội tình trạng thất nghiệp để lại hậu quả gì cho hoạt động chính trị - xã hội?

**A.** Làm ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động.

**B.** Ảnh hưởng trực tiếp tới việc cung ứng hàng hóa.

**C.** Gây ra những xáo trộn và mất trật tự trong xã hội.

**D.** Làm cho tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm.

**Câu 5:** Theo em, nhà nước đóng vai trò như thế nào trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp?

**A.** Thúc đẩy tình trạng thất nghiệp gia tăng.

**B.** Đưa ra các giải pháp để kiểm soát, kiểm chế thất nghiệp.

**C.** Xóa bỏ các chính sách an sinh xã hội.

**D.** Hạn chế mở rộng các cơ sở sản xuất kinh doanh.

**Câu 6:** Tình trạng thất nghiệp gây ra hạn chế gì cho nền kinh tế?

**A.** Làm cho cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp giảm.

**B.** Gây ra những xáo trộn trong đời sống xã hội.

**C.** Tăng thu nhập cao cho người lao động.

**D.** Thất nghiệp làm cho ngân sách nhà nước suy giảm.

**Câu 7:** Tình trạng người lao động không muốn làm việc do điều kiện làm việc không phù hợp hoặc mức lương chưa tương thích với khả năng của họ thuộc vào loại thất nghiệp nào dưới đây?

**A.** Thất nghiệp theo chu kì.

**B.** Thất nghiệp không tự nguyện.

**C.** Thất nghiệp tự nhiên.

**D.** Thất nghiệp tự nguyện.

**Câu 8:** Lao động bị thất nghiệp do không đáp ứng được với yêu cầu mà công việc đề ra là hình thức thất nghiệp nào dưới đây?

**A.** Thất nghiệp cơ cấu.

**B.** Thất nghiệp tạm thời.

**C.** Thất nghiệp tự nguyện.

**D.** Thất nghiệp tự nhiên.

**Câu 9:** Người không đi làm do tập trung giải quyết việc gia đình là thuộc tình trạng thất nghiệp nào sau đây?

**A.** Thất nghiệp tự nhiên.

**B.** Thất nghiệp tạm thời.

**C.** Thất nghiệp tự nguyện.

**D.** Thất nghiệp không tự nguyện.

**Câu 10:** Người lao động mong muốn đi làm nhưng không thể tìm kiếm được việc làm là thuộc tình trạng thất nghiệp nào sau đây?

**A.** Thất nghiệp tự nhiên.

**B.** Thất nghiệp tạm thời.

C. Thất nghiệp tự nguyện.

D. Thất nghiệp không tự nguyện.

**Câu 11:** Việc thất nghiệp tăng lên nhanh chóng làm ảnh hưởng và gây lãng phí đến nguồn lực lao động của xã hội là hậu quả của thất nghiệp đối với

A. người kinh doanh.

B. doanh nghiệp.

C. chính trị - xã hội.

D. nền kinh tế.

**Câu 12:** Đối với các nhân lực bị mất việc làm do chưa có kinh nghiệm làm việc với máy móc ở trình độ cao, Nhà nước cần làm gì để hỗ trợ người lao động sớm tìm được việc làm phù hợp với bản thân?

A. Tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng nghề nghiệp.

B. Khuyến khích người lao động về quê phát triển.

C. Hỗ trợ người sử dụng lao động vốn để tiếp tục trả lương.

D. Yêu cầu các doanh nghiệp tuyển thêm nhiều nhân viên.

**Câu 13:** Theo em, hoạt động nào sau đây **không thể hiện** vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp?

A. Tích cực hạn chế đưa ra các giải pháp kiểm chế thất nghiệp.

B. Thường xuyên quan tâm đào tạo lao động trình độ cao.

C. Hỗ trợ người lao động tự tạo việc làm phù hợp với bản thân.

D. Thực hiện chính sách an sinh xã hội theo quy định pháp luật.

**Câu 14:** Theo em, nội dung nào sau đây thể hiện hậu quả của thất nghiệp đối với cá nhân?

A. Ảnh hưởng đến kiến thức chuyên môn, nghề nghiệp.

B. Nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất.

C. Gây ra hiện tượng lãn công, bãi công, biểu tình.

D. Làm cho nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái.

**Câu 15:** Theo em, việc làm nào sau đây **thể hiện** việc thất nghiệp xuất phát từ nguyên nhân chủ quan?

A. Do thiếu kỹ năng làm việc.

B. Cơ sở kinh doanh đóng cửa.

C. Mất cân đối giữa cung và cầu.

D. Các cơ sở sản xuất thu hẹp.

**Câu 16: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Chị Y và nhóm bạn của mình đang thất nghiệp. Chị Y đã tốt nghiệp đại học chuyên ngành kế toán doanh nghiệp nhưng làm nhân viên hành chính cho một cơ sở giáo dục. Sau một thời gian làm việc, chị quyết định thôi việc để đi tìm công việc mới phù hợp với sở thích và khả năng của mình. Anh X bị doanh nghiệp cho thôi việc do vi phạm kỉ luật lao động nhiều lần, anh T bị mất việc làm do doanh nghiệp thu hẹp sản xuất kinh doanh.

a) Thất nghiệp của chị Y là loại hình thất nghiệp tự nguyện.

b) Nguyên nhân anh X bị thất nghiệp là do mất cân đối quan hệ cung cầu.

c) Loại hình thất nghiệp của anh T là thất nghiệp cơ cấu.

d) Chị Y, anh X và anh T đều bị ảnh hưởng về thu nhập do bị thất nghiệp.

**Câu 17: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Theo thống kê của Sở Y tế tỉnh N, số sinh viên theo học các ngành Dược, Điều dưỡng ở các hệ cao đẳng, trung cấp tốt nghiệp hằng năm rất lớn. Tuy nhiên mỗi năm, tình chỉ bố trí được chỗ làm với số lượng có hạn cho đối tượng này nên nhiều sinh viên ra trường bị thất nghiệp. Trong khi đó, tỉnh rất cần các bác sĩ có chuyên môn cao nhưng lại khó tuyển dụng.

- a) Mất cân đối cung cầu lao động là nguyên nhân dẫn đến tình trạng thất nghiệp.
- b) Thất nghiệp trong trường hợp trên là thất nghiệp cơ cấu.
- c) Tăng nguồn cung lao động là bác sĩ có chuyên môn cao sẽ khắc phục được tình trạng thất nghiệp.
- d) Tình trạng mất cân đối như trên nếu kéo dài sẽ gây ra nhiều hệ lụy cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 18: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Sau khi tốt nghiệp Đại học, anh D làm hồ sơ dự tuyển vào một công ty. Anh không được nhận vào làm việc do không đáp ứng được nhiều yêu cầu của công ty. Còn chị H sau khi ra trường đã nộp hồ sơ năng lực để dự tuyển vào công ty X và được nhận vào thử việc 3 tháng. Sau 3 tháng do hạn chế về năng lực chị H không được công ty ký hợp đồng chính thức nên đã chủ động đi tìm công việc mới.

- a) Anh D và chị H đều thất nghiệp do năng lực còn hạn chế.
- b) Thất nghiệp của anh D là loại hình thất nghiệp tự nhiên.
- c) Thất nghiệp của chị H là loại hình thất nghiệp cơ cấu.
- d) Trong giai đoạn hiện nay, xu hướng chung của thị trường là tuyển dụng các lao động có trình độ hơn là tuyển dụng các lao động phổ thông.

**Câu 19: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Ông D – trợ lý văn phòng tại công ty xuất khẩu thủy sản A đã 25 năm không hề chuẩn bị cho tình huống một ngày nhận được tin công ty sẽ đóng cửa vĩnh viễn do bị thua lỗ, phá sản. Con trai lớn của ông cũng vừa rơi vào tình trạng thất nghiệp sau 3 năm làm việc do bị sa thải vì thừa nhận công. Cuộc sống của ông gặp rất nhiều khó khăn khi không còn thu nhập. Còn con trai ông tâm li chán nản...

- a) Ông D thất nghiệp là do tuổi cao, năng lực không đáp ứng được yêu cầu.
- b) Loại hình thất nghiệp của ông D là thất nghiệp do cơ cấu.
- c) Con trai ông D thất nghiệp là loại hình thất nghiệp tự nguyện.
- d) Thất nghiệp đã ảnh hưởng đến cả ông D và người con trai.

**Câu 20: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Sau khi chấm dứt hợp đồng lao động tại doanh nghiệp B vì năng lực chuyên môn không đáp ứng, chị M tìm tới trung tâm giới thiệu việc làm ở gần nhà. Cán bộ trung tâm đã tận tình hướng dẫn cho chị thủ tục và quy trình làm hồ sơ hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp. Hồ sơ xin trợ cấp thất nghiệp của chị hội đủ điều kiện hưởng ba tháng trợ cấp thất nghiệp. Sau đó, hằng tháng, cán bộ cơ quan

Bảo hiểm xã hội thực hiện chi trả trợ cấp thất nghiệp rất thuận lợi, nhanh chóng. Nhờ đó, chị đỡ lo một phần cuộc sống và cố gắng sớm tìm được việc làm trong thời gian ba tháng.

- a) Loại hình thất nghiệp của chị M là thất nghiệp tự nguyện.
- b) Bảo hiểm thất nghiệp là biện pháp an sinh xã hội giúp hạn chế hậu quả do thất nghiệp gây ra.
- c) Chị M được nhận bảo hiểm thất nghiệp đến khi chị tìm được việc làm mới.
- d) Nâng cao trình độ chuyên môn là giải pháp giúp chị M có công việc ổn định sau này.

## BÀI 5: THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

**Câu 1:** Nơi gặp gỡ, trao đổi mua bán hàng hóa việc làm giữa người lao động và người sử dụng lao động cũng như xác định mức tiền công của người lao động trong từng thời kì nhất định là đề cập đến khái niệm nào sau đây?

- A. Hợp đồng lao động.
- B. Hoạt động sản xuất.
- C. Tình trạng thất nghiệp.
- D. Thị trường việc làm.

**Câu 2:** Theo Điều 36, Luật việc làm năm 2013, dịch vụ việc làm không bao gồm:

- A. Tư vấn, giới thiệu việc làm.
- B. Điều tiết, kiểm soát đầu tư tín dụng.
- C. Cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động.
- D. Thu thập, cung cấp thông tin về thị trường lao động.

**Câu 3:** Trong các hoạt động lao động thì thị trường việc làm và thị trường lao động có mối quan hệ như thế nào?

- A. Tương tác theo chu kỳ.
- B. Độc lập và tách biệt với nhau.
- C. Tác động qua lại chặt chẽ với nhau.
- D. Không liên quan đến nhau.

**Câu 4:** Khi khả năng cung ứng lao động lớn hơn khả năng tạo việc làm sẽ dẫn đến tình trạng nào sau đây?

- A. Thất nghiệp gia tăng.
- B. Thiếu hụt lao động.
- C. Cân bằng về lao động.
- D. Khủng hoảng kinh tế.

**Câu 5:** Khi khả năng tạo việc làm lớn hơn khả năng cung ứng lao động sẽ dẫn đến tới tình trạng nào sau đây?

- A. Thất nghiệp gia tăng.
- B. Thiếu hụt lao động.
- C. Cân bằng lao động.
- D. Khủng hoảng kinh tế.

**Câu 6:** Để tìm được việc làm phù hợp với bản thân, học sinh cần trang bị cho mình những gì?

- A. Không cần tìm hiểu thông tin về việc làm.
- B. Chỉ ưu tiên học về các chuyên ngành của mình.
- C. Không quan tâm đến xu thế của thị trường việc làm.
- D. Kiến thức cơ bản về nghề nghiệp, trau dồi kỹ năng về việc làm.

**Câu 7:** Theo em, việc chuyển dịch liên tục cơ cấu của nền kinh tế sẽ ảnh hưởng như thế nào tới việc làm của người dân?

- A. Người dân sẽ có thêm nhiều cơ hội việc làm mới.
- B. Người dân không có nhiều công việc để làm.
- C. Người dân phải làm việc liên tục không được nghỉ ngơi.
- D. Người dân buộc phải thường xuyên thay đổi việc làm.

**Câu 8:** Nơi thực hiện các quan hệ xã hội giữa người sử dụng lao động và người lao động, thông qua các thỏa thuận về tiền lương, chế độ đãi ngộ phù hợp là đề cập đến khái niệm nào sau đây?

- A. Thị trường tiền tệ.
- B. Hoạt động lao động.
- C. Thị trường lao động.
- D. Tình trạng thất nghiệp.

**Câu 9:** Những hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ cho các nhu cầu đời sống của xã hội là nội dung của khái niệm

- A. Sức lao động.
- B. Lao động.
- C. Sản xuất.
- D. Người lao động.

**Câu 10:** Những hoạt động tạo ra thu nhập và không bị pháp luật cấm, có ý nghĩa quan trọng đối với mỗi người, giúp duy trì và cải thiện cuộc sống là đề cập đến khái niệm

- A. lao động.
- B. việc làm.
- C. kinh doanh.
- D. sản xuất.

**Câu 11:** Các yếu tố cấu thành nên thị trường lao động là gì?

- A. Thị yếu của người tiêu dùng.
- B. Cung, cầu và giá cả sức lao động.
- C. Mục đích và mức lương lao động.
- D. Công việc cụ thể của người lao động.

**Câu 12.** Theo em, trong các việc làm sau đây việc làm nào được coi là lao động?

- A. Em H đang nằm ngủ.
- B. Anh L đang xây nhà.
- C. Chị T đang nghe nhạc.
- D. Chim tha mồi về tổ.

**Câu 13:** Hoạt động nào sau đây của con người được coi là việc làm?

- A. Buôn bán hàng hóa kém chất lượng để tăng thu nhập.
- B. Làm việc cho tổ chức buôn bán người qua biên giới.
- C. Đi phụ hồ để kiếm thêm thu nhập cho gia đình.
- D. Canh gác cho các đối tượng đánh bài ăn tiền.

**Câu 14:** Theo quy định của pháp luật, hành vi nào dưới đây vi phạm pháp luật trong quan hệ lao động và tìm kiếm việc làm?

- A. Mọi người đều có ý kiến khi được phân công công việc.
- B. Không được phân biệt đối xử về giới tính trong khi làm việc.
- C. Lạm dụng sức lao động trẻ em để thu lợi nhuận.
- D. Mọi người đều có quyền giúp đỡ nhau trong công việc.

**Câu 15:** Theo Điều 21, Bộ luật Lao động năm 2019, hợp đồng lao động **không** cần có nội dung nào?

- A. Chế độ nâng bậc, nâng lương.
- B. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.
- C. Phương thức vui chơi, giải trí.
- D. Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp.

**Câu 16: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Theo bản tin thị trường lao động Việt Nam quý III năm 2022: Năm nhóm ngành có nhu cầu tuyển dụng nhiều nhất: công nghiệp chế tạo; thông tin và truyền thông; bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ. Năm nghề có nhu cầu tuyển dụng nhiều nhất: tài chính, kế toán, nhân viên phần mềm, ngân hàng, marketing. Năm nghề người lao động đi tìm việc nhiều nhất: lao động kỹ thuật trong công nghiệp, hành chính, bán hàng trong lĩnh vực bất động sản, tiếp thị kỹ thuật số bán hàng, y tế và chăm sóc sức khỏe. Dự báo nhu cầu việc làm sẽ tăng ở một số ngành: sản xuất phương tiện vận tải, sản xuất sản phẩm điện tử.

**a)** Nhu cầu tuyển dụng lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ có xu hướng ngày càng tăng.

**b)** Người lao động có xu hướng tìm việc nhiều ở các ngành dịch vụ.

**c)** Thị trường lao động và thị trường việc làm đang có sự khác biệt về nhu cầu dẫn đến tình trạng thất nghiệp gia tăng.

**d)** Vai trò của nhà nước đó là dự báo, cung cấp các thông tin cơ bản về nhu cầu tuyển dụng, xu hướng tuyển dụng để người lao động điều chỉnh.

**Câu 17: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Trong quý I năm 2022, trong tổng số 50,0 triệu lao động có việc làm tại Việt Nam, lao động trong khu vực dịch vụ chiếm tỉ trọng 38,7%, tương đương 19,4 triệu người, lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm tỉ trọng 33,5%, tương đương 16,8 triệu người, lao động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỉ trọng 27,8%, tương đương 13,9 triệu người. So với quý trước và cùng kì năm trước, lao động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đều giảm lần lượt là 426,8 nghìn người và 192,2 nghìn người; lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng giảm 82,7 nghìn người so với quý trước nhưng tăng 661,3 nghìn người so với cùng kì năm trước; lao động trong ngành dịch vụ tăng mạnh so với quý trước (gần 1,5 triệu người) nhưng vẫn thấp hơn so với cùng kì năm trước 336,8 nghìn người.

**a)** Thị trường lao động trong khu vực nông nghiệp đang có xu hướng giảm dần là hợp lý.

**b)** Thị trường lao động trong khu vực dịch vụ và công nghiệp đang tăng nhanh và sẽ ngày càng chiếm tỷ trọng cao.

**c)** Lực lượng lao động của nước ta đang chiếm tỷ lệ khá cao đây là cơ hội nhưng cũng là thách thức.

**d)** Chất lượng lao động trong khu vực công nghiệp và dịch vụ chưa cao.

**Câu 18: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội giai đoạn 2021 – 2030 đã xác định mục tiêu chuyển dịch cơ cấu lao động là "tỉ trọng lao động khu vực nông - lâm – ngư nghiệp giảm xuống dưới 20% trong tổng số lao động có việc làm của nền kinh tế. Trong bối cảnh mới, đòi hỏi phải có những chính sách phù hợp và đột phá, thúc đẩy tạo việc làm, tăng năng suất, chất lượng góp phần tăng trưởng kinh tế, thu hẹp khoảng cách với các nước trong khu vực, hướng đến phát triển bền vững.... Đặc biệt, đối với các nước đang phát triển như Việt Nam, yếu tố chuyển dịch cơ cấu lao động đóng vai trò quan

trọng vào tăng năng suất lao động của nền kinh tế. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá tất yếu làm thay đổi tỉ trọng lao động trong các ngành kinh tế.

a) Việc đặt mục tiêu giảm tỷ trọng khu vực nông – lâm – ngư nghiệp xuống dưới 20% với một nước nông nghiệp như Việt Nam là sai lầm.

b) Thị trường lao động Việt Nam đang có xu hướng chuyển từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ.

c) Cơ cấu lao động thay đổi đòi hỏi nhà nước cần quan tâm tới nâng cao chất lượng nguồn lao động để đáp ứng sự phát triển kinh tế.

d) Đến năm 2030 Việt Nam đặt mục tiêu xóa bỏ hoàn toàn lao động trong khu vực nông nghiệp là hợp lý.

**Câu 19: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Nhà nước thực hiện đồng bộ các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển thị trường lao động, nâng cao đời sống người dân. Thị trường lao động đã có những bước phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu, ngày càng hội nhập, từng bước tiệm cận với thị trường lao động khu vực và thế giới. Thị trường lao động trở thành động lực thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu lao động, phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Các doanh nghiệp mở rộng đầu tư sản xuất, thúc đẩy lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm tăng nhanh.

a) Các chính sách nhằm ổn định kinh tế vĩ mô và phát triển thị trường lao động đã góp phần thúc đẩy thị trường việc làm phát triển.

b) Thị trường việc làm phát triển đã gián tiếp sự phát triển của thị trường lao động.

c) Bên cạnh giải pháp về kinh tế, nhà nước cũng cần quan tâm hỗ trợ công tác đào tạo nghề để thúc đẩy thị trường việc làm phát triển.

d) Nhà nước có thể sử dụng các biện pháp hành chính để buộc các doanh nghiệp phải tuyển dụng lao động từ đó thúc đẩy thị trường việc làm.

**Câu 20: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư làm thay đổi nền tảng, thúc đẩy các nền kinh tế truyền thống chuyển đổi sang kinh tế tri thức. Đổi mới, sáng tạo công nghệ làm gia tăng các yếu tố sản xuất – kinh doanh, tăng thu nhập, tiêu dùng, đầu tư cho nền kinh tế. Đồng thời, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động xã hội, tạo ra những thay đổi về việc làm, cả về cơ cấu lẫn bản chất công việc với sự xuất hiện ngày càng đông đảo các tầng lớp sáng tạo trong các lĩnh vực khoa học, thiết kế, văn hoá, nghệ thuật, giải trí, truyền thông, giáo dục, y tế,... Phân công lao động theo hướng các ngành, nghề đòi hỏi giảm thiểu các công việc chân tay, thu nhập thấp, các công việc có tính chất lặp đi, lặp lại. Nhiều lĩnh vực có khả năng tự động hoá cao, trong một số công đoạn không cần sự can thiệp của con người, đều được robot thực hiện. Một bộ phận người lao động đang làm việc sẽ phải nghỉ hoặc tìm công việc khác thay thế, có thể thất nghiệp trong một thời gian dài.

a) Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã tác động đến xu hướng tuyển dụng của thị trường việc làm.

b) Xu hướng tuyển dụng việc làm trong cuộc cách mạng lần thứ tư là lao động chất lượng cao.

c) Lao động giản đơn sẽ vẫn chiếm ưu thế trong cuộc cách mạng lần thứ tư.

d) Mọi công dân có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện tốt nhất để tham gia vào thị trường lao động cho tương lai.

## II. PHÂN TỰ LUẬN

**Câu 1.** Em hãy nêu những lí do dẫn đến cạnh tranh trong kinh tế? Cho ví dụ?

**Câu 2.** Em hãy phân tích quan hệ cung - cầu trong các trường hợp dưới đây và cho biết quan hệ này đã tác động thế nào đến việc ra quyết định của các chủ thể kinh tế.

a. Những ngày giáp Tết năm ngoái, giá các loại rau tăng rất mạnh. Năm nay, bà G dự định sẽ trồng thật nhiều rau để đến gần Tết mới đem ra chợ bán.

b. Giá ga tăng cao khiến một số người chuyển từ sử dụng bếp ga sang bếp từ.

c. Hợp tác xã M tăng cường thử nghiệm trồng rau trái vụ cung ứng cho thị trường.

d. Con bão số 5 gây ra thiệt hại lớn đến hoa màu, nhiều cánh đồng rau bị dập nát và ngập sâu trong nước.

**Câu 3.** Việc trồng hoa màu đang ổn định nhưng thấy trên địa bàn mình sống đang có xu hướng trồng mít bán cho các vựa trái cây để có thu nhập tốt hơn nên gia đình anh K chuyển sang trồng mít.

a) Em hãy phân tích quan hệ cung – cầu về mặt hàng mít trong trường hợp này?

b) Em hãy đưa ra lời khuyên cho gia đình anh K?

**Câu 4.** Nhà nước thực hiện việc hỗ trợ thúc đẩy sản xuất – kinh doanh thông qua chính quyền địa phương. Huyện K nhận kinh phí từ ngân sách Nhà nước hỗ trợ dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa, gặp khó khăn do giá xăng tăng cao. Chủ tịch uỷ ban nhân dân huyện đã nhanh chóng tổ chức tổ công tác khảo sát theo đúng quy trình và trao tận tay các doanh nghiệp gặp khó khăn số tiền 1,5 tỷ đồng giúp họ theo kịp vụ cá đầu năm.

a/ Em đánh giá như thế nào về chính sách hỗ trợ sản xuất – kinh doanh để kiểm soát, kiểm chế lạm phát của nhà nước trong trường hợp trên?

b/ Em có nhận xét gì về việc làm của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện K?

**Câu 5.** Em cần có trách nhiệm gì để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp?

----HẾT----